

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30-7-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thúy Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh VVH, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***- Bị đơn:*** Chị DTS, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Số D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Hàn Quốc; vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh VVH trình bày:

Anh và chị DTS kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 01 năm 2018. Sau khi kết hôn, chị DTS và anh VVH chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến

năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đỉnh điểm đến khoảng tháng 02 năm 2020 chị DTS đi lao động ở nước ngoài. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Qua thông tin của những người thân trong gia đình chị DTS, anh được biết hiện nay chị DTS đang sinh sống tại Hàn Quốc. Đến nay, anh VVH xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh VVH đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị DTS.

Về con chung: Anh VVH và chị DTS không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh VVH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị DTS hiện đang ở nước ngoài. Nguyên đơn anh VVH chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị DTS mà không cung cấp được địa chỉ của chị DTS ở nước ngoài. Thông qua chị gái của chị DTS được biết chị DTS vẫn liên lạc với chị gái ở trong nước nhưng chị gái của chị DTS không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị DTS cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị DTS biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho chị DTS theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, anh VVH vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với chị DTS. Chị DTS vắng mặt và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh VVH và bị đơn chị DTS đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh VVH có đơn xin xét xử vắng mặt, chị DTS vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử vắng mặt anh VVH và chị DTS là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Cuộc sống vợ chồng của anh VVH và chị DTS không có hạnh phúc, hiện mỗi người sống một nước, không có khả năng đoàn tụ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh VVH. Về con chung: Chị DTS và anh VVH không có con

chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, anh VVH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh VVH phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Viện Kiểm sát tại phiên tòa,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **- Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh VVH có đơn khởi kiện về việc ly hôn với chị DTS. Chị DTS hiện đang cư trú ở nước ngoài, nên quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh VVH vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị DTS hiện đang sinh sống ở nước ngoài, anh VVH chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị DTS ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị DTS ở nước ngoài. Chị gái của chị DTS xác nhận chị DTS vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng chị gái của chị DTS không cung cấp được địa chỉ, tin tức của chị DTS cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị DTS biết để gửi lời khai về cho Tòa án, nên coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị DTS theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt anh VVH và chị DTS.

#### **- Về nội dung:**

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh VVH và chị DTS kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12 tháng 01 năm 2018. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh VVH và chị DTS hiện mỗi người sống một nơi,

không ai quan tâm đến ai, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh VVH về việc xin ly hôn chị DTS theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh VVH và chị DTS không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh VVH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Anh VVH là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh VVH và chị DTS được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh VVH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh VVH được ly hôn chị DTS.
2. Về con chung: Anh VVH và chị DTS không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Anh VVH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Anh VVH phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0018809 ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh VVH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Anh VVH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Chị DTS được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Mạnh    Vũ Thị Minh Nguyệt**

**Bùi Thị Thúy Hà**